

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG NĂM 2022**

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 522/BTNMT-MT ngày 07/02/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước năm 2022.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1. Môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022 tương đối tốt, không xảy ra các vấn đề ô nhiễm nổi cộm hoặc các điểm nóng. Kết quả quan trắc, phân tích cho thấy phần lớn hàm lượng các thông số trong môi trường không khí đều đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Tuy nhiên, cục bộ tại một số vị trí thuộc khu vực đô thị - giao thông thành phố Long Xuyên bị ô nhiễm bởi bụi, tiếng ồn do tại thời điểm quan trắc có nhiều phương tiện đang lưu thông. So với các năm trước chất lượng môi trường không khí biến động theo chiều hướng tốt hơn do đa số hàm lượng trung bình các thông số quan trắc đều giảm, trừ thông số tiếng ồn tăng nhẹ.

2. Môi trường nước

Chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022 theo chỉ số WQI dao động từ mức kém đến mức tốt, trong đó đa phần ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Kết quả quan trắc, phân tích cho thấy chất lượng môi trường nước mặt ô nhiễm chủ yếu bởi hữu cơ, vi sinh. Chất lượng nước trên sông Hậu, sông Phú Hội và sông Châu Đốc có dấu hiệu ô nhiễm cao hơn nước mặt trên sông Tiền, ít ô nhiễm nhất là nước mặt tại các hồ, búng. Tuy nhiên, so với các năm trước chất lượng môi trường nước mặt biến động theo chiều hướng tốt hơn do đa số hàm lượng trung bình các thông số quan trắc đều giảm.

3. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Năm 2022, tổng diện tích rừng trên địa bàn tỉnh An Giang là 4.268,20 ha. Trong đó, diện tích rừng sản xuất 3.167,2 ha; diện tích rừng đặc dụng là 1.101 ha, các loại hình rừng tập trung chủ yếu ở các huyện Tri Tôn, Tịnh Biên và

thành phố Châu Đốc. Diện tích rừng năm 2022 ổn định và không có thay đổi so với năm 2021, chi tiết tại bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính	Năm 2021	Năm 2022	Loại rừng
		Diện tích (Ha)		
I	Huyện Tri Tôn			
1	Lâm trường Tỉnh đội (BCH Quân sự tỉnh)	1.671,50	1.671,50	Rừng sản xuất
2	Công ty TNHH MTV SD	71,1	71,1	Rừng sản xuất
3	Khu Bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyên	256	256	Rừng đặc dụng
4	Rừng tràm Bình Minh	954	954	Rừng sản xuất
5	Công ty cổ phần trang trại bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao An Giang (TH True Milk)	130	130	Rừng sản xuất
II	Huyện Tịnh Biên			
6	Rừng tràm Nhơn Hưng	160	160	Rừng sản xuất
7	Khu Bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư	845	845	Rừng đặc dụng
III	Thành phố Châu Đốc			
8	Rừng tràm Bà Bài, xã Vĩnh Tế	73,6	73,6	Rừng sản xuất
9	Rừng tràm xã Vĩnh Châu	107	107	Rừng sản xuất
Tổng		4.268,20	4.268,20	

- Đối với các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh năm 2022 có 12 loài với tổng số 394 con, so với năm 2021 số lượng này vẫn được duy trì, ổn định. Trong đó, loài Mang Lớn, Tê tê Java, Vạc Hoa và Rắn hổ chúa số lượng còn rất ít và cần được quan tâm bảo vệ.

** Hiện trạng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học*

- Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư: Được thành lập theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 27/5/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang và Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh An Giang Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững KBVCQ rừng tràm Trà Sư, xã Văn

Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang giai đoạn 2019 - 2030 với diện tích quy hoạch là 1.050 ha. Hệ sinh thái đa dạng, bao gồm:

+ Chim: 70 loài. Trong đó, có 2 loài chim rất quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam là cò lạo Ấn Độ (*Mycteria leucocephala*) và cò cổ rắn hay điên đing (*Anhinga melanogaster*).

+ Cá: 23 loài cá.

+ Thực vật: 140 loài.

- Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyên: Được thành lập theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh An Giang với diện tích khoảng 256,39 ha, nằm trên địa phận xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn. Hệ sinh thái đa dạng, bao gồm:

+ Chim: 63 loài

+ Cá: 82 loài cá. Trong đó, có 02 loài cá xuất hiện thuộc danh mục các loài quý hiếm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Sách Đỏ IUCN (2014), đó là loài cá Hồ (*Catlocarpio siamensis*), cá Trà sóc (*Probarbus jullieni*).

+ Thực vật: 154 loài. Trong đó, có 01 loài thực vật được xếp vào danh mục các loài thực vật cần được bảo tồn ở thứ hạng sẽ nguy cấp (VU) là Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus*) theo Sách Đỏ Việt Nam 2007.

- Khu du lịch quốc gia Núi Sam, tỉnh An Giang được thành lập tại Quyết định số 2646/QĐ-BVHTTDL ngày 13/7/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công nhận Khu Du lịch quốc gia Núi Sam tỉnh An Giang với diện tích 1.487 ha nằm trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Khu Di tích lịch sử cách mạng và thắng cảnh Núi Nổi - Phù Sơn Tự thuộc địa bàn phường Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang với tổng diện tích khu bảo vệ 1 và 2 của Núi Nổi - Phù Sơn Tự là 20.830 m² (Thực hiện theo phân cấp quản lý tại Quyết định số 68/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang).

- Khu Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Miếu Bà Chúa Xứ Bà Mướp thuộc thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang với diện tích 15.000 m² (Thực hiện theo phân cấp quản lý tại Quyết định số 68/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang).

II. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

Trong năm 2022, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh An Giang có chuyển biến, vượt kế hoạch và chỉ tiêu Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra. Khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực thương mại và dịch vụ tăng trưởng mạnh. Khu vực

nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm về sản lượng nhưng đang chuyển dần sang sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao.

1. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

a) *Trồng trọt*: (1) Cây hàng năm toàn tỉnh ước thu hoạch khoảng 4,64 triệu tấn (bao gồm lúa nếp và hoa màu), tăng 0,477 triệu tấn so với năm 2021, trong đó, sản lượng lúa gần 3,94 triệu tấn, năng suất bình quân đạt 65 tạ/ha; hoa màu 0,7 triệu tấn, năng suất duy trì ổn định khoảng 220 tạ/ha; (2) Cây lâu năm, ước sản lượng thu hoạch đạt khoảng 0,269 triệu tấn, tăng 9,86% so với cùng kỳ.

b) *Chăn nuôi*: Tình hình chăn nuôi tương đối ổn định và có tăng trưởng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021. Toàn tỉnh hiện có khoảng 70,5 ngàn con heo thịt, tăng khoảng 10,8 ngàn con so với cùng kỳ, sản lượng thịt heo hơi đạt gần 12,4 ngàn tấn, tăng 2,7 ngàn tấn so với cùng kỳ; Đàn trâu bò hiện có khoảng 68,7 ngàn con, tăng khoảng 1,7 ngàn con so với cùng kỳ. Trong đó, đàn bò có 66,7 ngàn con, tăng 2,62% (tương đương 1,7 ngàn con) so với cùng kỳ. Đàn gia cầm hiện có khoảng 5,9 triệu con, tăng 28,92% (tương đương tăng 1,35 triệu con) so với cùng kỳ.

1.2. Lâm nghiệp

Ước tính diện tích rừng trồng mới đạt 76 ha; tổng sản lượng gỗ khai thác ước đạt hơn 34 ngàn m³, sản lượng củi ước đạt gần 270 ngàn ster, tương đương so với cùng kỳ.

1.3. Thủy sản

Ước tổng sản lượng thu hoạch các loại thủy sản đạt 542 ngàn tấn, tăng 6,35% (tương đương 32,6 ngàn tấn) so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá tra (bao gồm nuôi lồng, bè) ước đạt gần 439 ngàn tấn, tăng 8,83% (tương đương 30 ngàn tấn); sản lượng cá lóc đạt 31,7 ngàn tấn, tăng 4,93% (tương đương 1,4 ngàn tấn); sản lượng con giống cá tra đạt hơn 2 tỷ con, tăng 10,33% (tương đương 183 triệu con) so với cùng kỳ.

2. Khu vực công nghiệp và xây dựng

Sản xuất công nghiệp: Nhìn chung, sản xuất công nghiệp của tỉnh tăng trưởng khá tốt. Ước chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,3% so với cùng kỳ, trong đó: ngành khai khoáng tăng 4,45%; ngành chế biến, chế tạo tăng 8,10%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 10,78%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,91%.

3. Khu vực thương mại và dịch vụ

3.1. Thương mại - Dịch vụ

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 92.400 tỷ đồng, tăng 12,43% so với năm 2021. Ngoài ra, tỉnh đã tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại nhằm kích cầu tiêu dùng, giới thiệu sản phẩm, thu hút nhiều lượt khách đến

tham quan, mua sắm thu hút khoảng 389 nghìn lượt khách với tổng doanh số bán hàng ước khoảng 39 tỷ¹.

3.2. Du lịch

Ước cả năm 2022, toàn tỉnh đón tổng số hơn 7,3 triệu lượt khách tham quan, du lịch, tăng 122% so với cùng kỳ và đạt 159% so với kế hoạch năm 2022. Trong đó, có 08 nghìn lượt khách quốc tế, tăng 250% so với cùng kỳ và cao hơn gấp đôi so với kế hoạch cả năm. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt hơn 4.600 tỷ đồng, tăng 114% so với cùng kỳ và đạt 153% so với kế hoạch cả năm.

3.3. Hoạt động xuất, nhập khẩu

a) Xuất khẩu

- Tình hình xuất khẩu năm 2022 tăng trưởng khá so với cùng kỳ về cả sản lượng và kim ngạch, trong năm 2022 kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.155 triệu USD, tăng 1,14% so với cùng kỳ.

- Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: (1) Gạo ước đạt 538 ngàn tấn, tương đương 290 triệu USD, tăng 3,79% về sản lượng và tăng 3,17% về kim ngạch so với cùng kỳ; (2) Thủy sản đông lạnh ước đạt 162 ngàn tấn, tương đương 380 triệu USD, tăng 1,59% về sản lượng và tăng 2,03% về kim ngạch so với cùng kỳ; (3) Hàng may mặc tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 154 triệu USD, tăng 9,14% so với cùng kỳ.

b) Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2022 ước đạt 210 triệu USD, tăng 16,34% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: nguyên vật liệu hàng may mặc, thuốc trừ sâu và nguyên liệu.

3.4. Vận tải hành khách và hàng hóa

Nhìn chung trong năm 2022, vận tải hành khách và hàng hóa tăng trưởng khá tốt do nhu cầu đi lại, giao thương của người dân tăng cao, đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết. Trong năm 2022 ước tổng doanh thu hoạt động vận tải và kho bãi năm 2022 đạt hơn 06 nghìn tỷ đồng, tăng 13,02% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng doanh thu vận tải hành khách đạt hơn 2 ngàn tỷ đồng, tăng 17,00% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 3,6 ngàn tỷ đồng, tăng 10,91% so với cùng kỳ.

4. Lĩnh vực xã hội

- *Dân số*: Dân số trung bình tỉnh An Giang năm 2022 là 1.905,516 nghìn người, mật độ dân số 538,76 người/km², trong đó dân số thành thị 644,773 nghìn người (*chiếm 33,74% dân số*), dân số nông thôn 1.260,743 nghìn người (*chiếm 66,16% dân số*).

¹ Ngày hội Mắm Châu Đốc, An Giang - Đặc sản các vùng miền (thu hút khoảng 125 ngàn lượt khách, tổng doanh số bán hàng đạt 24 tỷ đồng); Hội chợ Thương mại Quốc tế Tịnh Biên - An Giang (ước thu hút 264 ngàn lượt khách, tổng doanh số bán hàng ước đạt 15 tỷ đồng)

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo: Số hộ nghèo cuối năm 2022 là 14.872/528.656 hộ (*chiếm 2,81%*). Số hộ cận nghèo cuối năm 2022 là 24.370/528.656 hộ (*chiếm 4,61%*).

- *Y tế, chăm sóc sức khỏe*: Công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được tăng cường. Tính đến tháng 12/2022, toàn tỉnh ghi nhận hơn 15.000 ca mắc sốt xuất huyết (*04 trường hợp tử vong*), tăng gần 600% so với cùng kỳ, qua đó, đã phát hiện và xử lý 4.476 ổ dịch; Ghi nhận hơn 3.200 trường hợp mắc bệnh tay - chân - miệng, tăng 107% so với cùng kỳ, không có trường hợp tử vong; phát hiện và xử lý 457 ổ dịch; phát hiện 124 trường hợp nhiễm thương hàn và phó thương hàn; 27 trường hợp nhiễm sởi và sốt phát ban nghi sởi; không có trường hợp mắc các bệnh Chikungunya, Zika, tả, bạch hầu, ho gà, cúm A/H5N1, A/H1N1.

+ Tính đến 28/11/2021, toàn tỉnh xảy ra 2.218 ca mắc sốt xuất huyết, giảm 2,07% so cùng kỳ; 1607 ca tay chân miệng, tăng 40,23% so với cùng kỳ, trong đó có 01 trường hợp tử vong; 22.989 ca mắc Covid-19 (*19 trường hợp tái dương tính*); Phòng, chống HIV/AIDS: So với cùng kỳ năm trước, số phát hiện HIV giảm 80 người (*giảm 29,09%*), số bệnh nhân AIDS giảm 46 người (*giảm 71,88%*), số tử vong giảm 57 người. Hoạt động y tế dự phòng, tiêm chủng mở rộng tiếp tục được duy trì. Ngành đã tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là Sốt xuất huyết, Chikungunya, Zika, bệnh Tay chân miệng, và các bệnh dịch lây truyền qua đường hô hấp, tiêu hóa khác có nguy cơ bùng phát trên địa bàn trong tỉnh.

+ Đối với công tác phòng, chống HIV/AIDS: Tính đến tháng 12/2022, toàn tỉnh phát hiện 256 ca nhiễm HIV mới, trong đó có 06 ca chuyển sang AIDS và 33 ca tử vong. So với cùng kỳ, số ca nhiễm phát hiện giảm 2,3% (giảm 06 ca), số bệnh nhân AIDS giảm 75% (giảm 18 ca), số tử vong tăng 21,7% (tăng 05 ca).

III. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường

1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

- Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp: Trên địa bàn tỉnh An Giang Có 01 Khu kinh tế; 02 Khu công nghiệp và 09 Cụm công nghiệp nằm ngoài khu kinh tế (*KCN Bình Hòa và KCN Bình Long*). Trong đó 02/02 khu công nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và đưa vào sử dụng, 09/09 Cụm công nghiệp chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên các dự án, cơ sở trong Cụm công nghiệp để xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Khu kinh tế bao gồm 01 khu công nghiệp (*chưa xây dựng*), 01 khu kinh doanh dịch vụ và 10 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Ngoài ra, phần lớn các dự án, cơ sở trên địa bàn tỉnh đều có xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo hồ sơ môi trường trước khi thải ra môi trường bên ngoài theo quy định của pháp luật.

- Đô thị: Toàn tỉnh có 22 đô thị (*01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 07 đô thị loại IV và 12 đô thị loại V*), trong đó 02/22 đô thị đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung (*TP. Long Xuyên và TP. Châu Đốc*) để xử lý một phần nước thải đô thị.

- Làng nghề: Đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh An Giang có 29 làng nghề đã được công nhận (*14 làng nghề; 15 làng nghề truyền thống*) với 4.110 hộ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm thường xuyên cho 11.972 lao động. Đến nay, có 21/29 làng nghề đã có phương án bảo vệ môi trường làng nghề và có tổ tự quản bảo vệ môi trường làng nghề. Hầu hết các hộ sản xuất trong làng nghề có quy mô nhỏ, nằm trong khu dân cư, mặt bằng chật hẹp cho nên khó xây dựng hệ thống xử lý môi trường đạt theo quy định hiện hành mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng tác động đến môi trường nước, không khí, tiếng ồn và chất thải rắn.

- Việc thực hiện trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường: Tính đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh An Giang có 17 dự án/cơ sở thuộc diện phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường, qua đó đã có 05/17 dự án/cơ sở đã hoàn thành lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý chất thải và phế liệu

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 419.750 tấn/năm, trong đó, khu vực đô thị khoảng 192.355 tấn/năm (*chiếm 45,8%*), khu vực nông thôn 227.395 tấn/năm (*chiếm 54,2%*). Tổng khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý 328.500 tấn/năm (*đạt 78,26%*), trong đó, khu vực đô thị khoảng 169.360 tấn/năm; khu vực nông thôn được khoảng 159.140 tấn/năm.

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 Nhà máy xử lý chất thải rắn đang hoạt động với công suất 50 tấn/ngày.đêm² (*Nhà máy xử lý chất thải rắn Thoại Sơn*); 03 khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động theo quy hoạch³ và 29 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh.

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường toàn tỉnh phát sinh khoảng 178.947,61 tấn, trong đó, được thu gom để tái sử dụng, tái chế khoảng 59.012,56 tấn (*đạt 32,98%*); khối lượng được tiêu hủy (*đốt, chôn lấp...*) khoảng 2.882,23 tấn (*đạt 1,61%*), hiện trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

c) Quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Tổng khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn khoảng 1.410,71 tấn.

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn khoảng 478,03 tấn.

- Các cơ sở xử lý CTNH: Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 Nhà máy xử lý chất thải nguy hại thành phố Long Xuyên tại bãi rác phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang hoạt động theo

² 01 cơ sở xử lý chất thải rắn: Nhà máy xử lý chất thải rắn Thoại Sơn

³ 03 khu, bãi chôn lấp hợp vệ sinh: (1) Khu xử lý rác thải xã Bình Hòa, huyện Châu Thành (xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại), (2) Khu xử lý rác thải Kênh 10 - Châu Đốc, (3) Khu xử lý chất thải rắn Phú Thạnh, huyện Phú Tân (xử lý chất thải rắn sinh hoạt)

Giấy phép xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp có Mã số QLCTNH 6.080.VX cấp ngày 10/9/2019, có thời hạn đến ngày 10/9/2022 và đã ngừng hoạt động kể từ ngày 10/9/2022 đến nay.

- Khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn: Theo quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Bình Hòa, huyện Châu Thành xử lý chất thải trong đó bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

d) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh An Giang chưa có cơ sở/doanh nghiệp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, chỉ có các cơ sở/doanh nghiệp nằm ngoài tỉnh làm thủ tục nhập khẩu phế liệu qua cửa khẩu Vĩnh Xương, các cơ sở/doanh nghiệp này không có bố trí kho, bãi để lưu giữ tạm thời, sau khi được thông quan bằng phương tiện xe, tàu,... và chuyển ngay về các cơ sở, nhà máy sản xuất nằm trên địa bàn ngoài tỉnh, Qua đó, tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu của các cơ sở, doanh nghiệp ngoài tỉnh làm thủ tục nhập khẩu qua cửa khẩu trên địa bàn tỉnh An Giang trong năm 2022 là 175.320 tấn, cụ thể:

- Khối lượng Giấy kraft, bìa kraft, giấy, bìa sóng chưa tẩy trắng: 76.650 tấn;
- Phế liệu và mảnh vụn của sắt hoặc thép: 42.330 tấn;
- Khối lượng phế liệu, mảnh vụn khác của sắt hoặc thép: 56.340 tấn.

3. Công tác quản lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường:

- Quản lý chất lượng môi trường nước mặt: Thực hiện Công văn số 1626/BTNMT-TCMT ngày 31/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã tham gia đóng góp ý kiến đối với hướng dẫn kỹ thuật về lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 404/UBND-KTN ngày 26/4/2022.

- Quản lý chất lượng môi trường đất: Năm 2019, Tỉnh đã hoàn thành đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm chất độc hóa học da cam/Dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở An Giang, qua đó đã xác định hàm lượng dioxin tại 24 mẫu trong môi trường đất, trầm tích và nước dưới đất đều thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Đồng thời, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc điều tra, đánh giá đất đai, tỉnh đã hoàn thành điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu và đang chuẩn bị hồ sơ, thủ tục liên quan để thực hiện điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần tiếp theo, kịp thời báo cáo kết quả gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/3/2025.

- Quản lý chất lượng môi trường không khí: Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến 2026 - 2030” tại Quyết định số 2876/QĐ-

UBND ngày 30/11/2022 để tổ chức thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí và công tác quản lý của tỉnh; xác định mục tiêu, nội dung nhiệm vụ ưu tiên quản lý chất lượng môi trường không khí của tỉnh; xây dựng lộ trình thực hiện các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí phù hợp với hiện trạng môi trường và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh theo các giai đoạn 2023 - 2025 và 2026 - 2030.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường luôn được quan tâm thực hiện, hàng năm tỉnh đều ban hành chương trình quan trắc môi trường tỉnh và chương trình quan trắc xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh và gửi kết quả thực hiện đến các Sở, Ban ngành có liên quan và địa phương, đồng thời, công bố công khai kết quả quan trắc trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Ngoài ra, trong năm 2022, tỉnh đã tiến hành quan trắc, cảnh báo sạt lở với tổng chiều dài 362,9Km (*đợt 01 là 181,45 Km; đợt 02 là 181,45Km*) tại các tuyến sông, kênh rạch chính qua địa bàn tỉnh như sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Nao, sông Bình Di, sông Châu Đốc, sông Cái Vũng, kênh Xáng Tân An, rạch Ông Chưởng, rạch Cái Sắn... Qua đó, đã đưa ra 56 đoạn sông cảnh báo nguy cơ sạt lở từ mức độ bình thường đến đặc biệt nguy hiểm (*không thay đổi so với năm 2021*), trong đó có 05 đoạn rất nguy hiểm đặc biệt cần chú ý, số đoạn cảnh báo không thay đổi về số lượng và có xu hướng tăng về chiều dài và gia tăng về mức độ nguy hiểm và xảy ra sạt lở nhiều hơn ở các sông, kênh, rạch nhỏ.

- Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy hiện tượng cá chết tại huyện An Phú và thành phố Châu Đốc, qua đó, cơ quan chuyên môn tỉnh đã thực hiện thu 10 mẫu nước, thủy sinh vật (*05 mẫu/huyện/thành phố với 39 thông số quan trắc/01 mẫu*) ở khu vực xảy ra cá chết tại xã Vĩnh Hội Đông - huyện An Phú và phường Vĩnh Nguơn, phường Châu Phú B - thành phố Châu Đốc vào ngày 14/5/2022. Kết quả cho thấy chất lượng nước mặt khu vực xảy ra hiện tượng cá chết chưa đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột A1). Trong đó, thông số DO trong nước thấp hơn quy chuẩn cho phép và đang bị ô nhiễm bởi các thông số gồm: TSS, COD, BOD5, Coliform, E.coli, Amoni (*NH₄⁺ tính theo N*), Fe, Mn, Phosphat (*PO₄³⁻ tính theo P*), Nitrit (*NO₂⁻ tính theo N*), Tổng các bon hữu cơ (TOC). Đồng thời, qua kết quả quan trắc có phát hiện hoá chất bảo vệ thực vật (*Heptachlor & Heptachlor epoxide*) tại 03/10 vị trí quan trắc (*tại điểm cá chết nhiều và cách khu vực cá chết nhiều về hạ nguồn 50m thuộc huyện An Phú và tại thượng nguồn khu vực cá chết nhiều thuộc thành phố Châu Đốc*) nhưng các giá trị này đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột A1). Số lượng thành phần loài thủy sinh vật tại khu vực huyện An Phú nhiều hơn khu vực thành phố Châu Đốc. Chất lượng nước theo chỉ số WQI dao động từ mức trung bình đến kém, trong đó đa phần ở mức kém. Chất lượng nước theo chỉ số sinh học Shannon - Wiener (H') dao động ở mức "Rất ô nhiễm" đến mức "Ô nhiễm", trong đó đa phần ở mức "Ô nhiễm". Qua đó, đã chỉ đạo ngành nông nghiệp rà soát, đánh giá vị trí, mật độ nuôi lồng bè ở khu vực xảy ra cá chết tại huyện An Phú và thành phố Châu Đốc so với quy hoạch được phê duyệt, từ đó có giải pháp quản lý phù hợp theo quy định. Đồng thời, xây dựng kế hoạch quản lý

phù hợp các vùng nuôi thông qua kế hoạch quan trắc của ngành đang thực hiện nhằm phát hiện, cảnh báo kịp thời những bất lợi cho hoạt động nuôi cá lồng bè.

- Trong kỳ đã nhận được 10 phản ánh về lĩnh vực môi trường (*thông qua đường dây nóng của Sở 06 phản ánh, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường 01 phản ánh; thông qua đường dây nóng của Tổng cục Môi trường 02 phản ánh; thông qua website Sở 01 phản ánh*) xoay quanh các vấn đề ô nhiễm bụi trong quá trình sản xuất của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu dân cư, tiếng ồn do hát karaoke, xả rác bừa bãi,... Qua đó đã giải quyết, phản hồi 08 phản ánh; 01 phản ánh chuyển về Sở Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ theo quy định; 01 phản ánh chuyển về địa phương giải quyết.

5. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học:

- Để bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học, tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, lễ hội cho nhiều đối tượng khác nhau nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của người dân, đồng thời tổ chức hội nghị chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình, công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh. Thực hiện xây dựng, triển khai Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư giai đoạn 2019-2030, thực hiện công tác quản lý, bảo vệ hệ sinh thái tại khu vực. Trong năm 2022, đã tiếp nhận thả 03 đợt đối với 04 loài về môi trường rừng tại Khu Bảo vệ cảnh quan Rừng tràm Trà Sư (*85 con rùa nấp, 30 con cua đinh, 96 kg rắn các loại và 01 con mèo rừng*).

- Hiện nay, Khu Bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư đã cho thuê môi trường rừng tại phân khu dịch vụ hành chính (159 ha), thực hiện theo Quyết định 1745/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND tỉnh cũng như hợp đồng cho thuê môi trường rừng, Trạm quản lý rừng Đặc dụng Trà Sư và Điểm Du lịch sinh thái Trà Sư đã phối hợp cùng quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên. Theo đó, Trạm quản lý rừng chủ trì phối hợp cùng Điểm Du lịch sinh thái thực hiện các biện pháp tuyên truyền, trang bị phương tiện, dụng cụ, sử dụng lao động là người dân sống quanh rừng để tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng với sự hỗ trợ kinh phí từ Điểm du lịch. Qua đó, tạo môi trường tốt để phát triển du lịch sinh thái và việc làm cho người dân địa phương, làm giảm áp lực lên công tác bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên tại đây.

- Để tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, quý hiếm, cơ quan chuyên môn đã ban hành các Kế hoạch phối hợp tuần tra, kiểm tra với các đơn vị có liên quan nhằm tăng cường công tác bảo tồn các loài hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Qua đó, trong năm 2022, lực lượng tuần tra tại Khu Bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư đã phối hợp cùng Đội tuần tra của điểm du lịch sinh thái Rừng tràm Trà Sư truy đuổi và bàn giao cho Kiểm lâm xử lý 03 vụ/05 đối tượng

vào rừng đánh bắt động vật rừng trái phép. Ngoài ra, các lực lượng còn phát hiện và ngăn chặn kịp thời 13 vụ/25 đối tượng xâm nhập ngoài bìa rừng.

- Để thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng và đảm bảo phát triển hệ sinh thái tự nhiên tại Khu bảo vệ cảnh quan Rừng tràm Tân Tuyên, tỉnh đã thực hiện xây dựng tháp canh lửa rừng tràm và làm cầu tạm bắt qua trạm di chuyển tuần tra, chữa cháy rừng. Ngoài ra, hàng năm, đã thực hiện chương trình quan trắc môi trường nước Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư (*trong công tác điều tiết nước*) nhằm đảm bảo môi trường phù hợp để các loài thủy sản được sinh trưởng và phát triển.

IV. Xây dựng chính sách, pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện:

Để triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Trung ương về bảo vệ môi trường, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và địa phương thực hiện rà soát, tham mưu ban hành các chính sách, quy định và các văn bản triển khai quy định của Trung ương thuộc lĩnh vực môi trường, cụ thể: Trong năm 2022, cấp tỉnh đã ban hành 56 văn bản, trong đó cấp tỉnh 13 văn bản (*01 Nghị quyết; 04 Quyết định; 01 Kế hoạch; 01 Chỉ thị và 06 văn bản triển khai các quy định của Trung ương*)⁴; Cấp huyện 43 văn bản (*32 Kế hoạch, 11 văn bản để triển khai nhiệm vụ ngành*). Ngoài ra, đơn vị chuyên môn trực thuộc tỉnh đã có nhiều văn bản hướng dẫn, giải đáp khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

2. Giải quyết thủ tục hành chính:

⁴ **01 Nghị quyết:** Ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang (tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022).

- **04 Quyết định:** (1) Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 07/03/2022); (2) Ban hành Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang (tại Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 18/03/2022); (3) Quyết định ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05/5/2022); (4) Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường (tại 1246/QĐ-UBND ngày 24/06/2022).

- **01 Kế hoạch:** Kế hoạch “Thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025” (tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 28/3/2022).

- **01 Chỉ thị:** Chỉ thị chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn tỉnh An Giang.

- **06 Văn bản triển khai:** (1) Triển khai thực hiện Thông báo số 03/TB-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại Công văn số 1178/VPUBND-KTN ngày 13/3/2022); (2) Triển khai thực hiện Quyết định số 174/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại Công văn số 240/UBND-KTN ngày 18/03/2022); (3) Triển khai nội dung về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trong Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (tại Công văn số 312/UBND-KTN ngày 01/04/2022); (4) Triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường (tại Công văn số 260/STNMT-MT ngày 26/01/2022); (5) Thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Công văn số 280/UBND-KTN ngày 28/3/2022); (6) Văn bản chỉ đạo tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 (tại Công văn số 1253/UBND-KTN ngày 26/10/2022).

Trong năm 2022, toàn tỉnh đã phê duyệt 61 hồ sơ môi trường, cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh:

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường: 19 hồ sơ.

+ Cấp, cấp lại, điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường: 09 hồ sơ.

- Cấp huyện:

+ Cấp, cấp lại, điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường: 25 hồ sơ.

+ Kế hoạch bảo vệ môi trường: 08 hồ sơ.

3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường:

Công tác thanh, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của các dự án/cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn được quan tâm thực hiện. Trong năm 2022, tổ chức nhiều cuộc thanh, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất, qua đó đã phát hiện các tồn tại như chưa có thủ tục hành chính về môi trường, thay đổi quy mô, công nghệ nhưng chưa thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận, vẫn còn phát sinh mùi hôi, bụi trong quá trình sản xuất,... Kết quả: đã xử phạt đối với 05 trường hợp với tổng số tiền 1.855 triệu đồng (*cấp tỉnh 02 trường hợp với 1.480 triệu đồng; cấp huyện 03 trường hợp với 375 triệu đồng*). Đồng thời, hướng dẫn, yêu cầu chủ các dự án/cơ sở sản xuất kinh doanh khắc phục các tồn tại được phát hiện theo biên bản kiểm tra.

4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường:

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện với nhiều hình thức, nhiều nội dung phù hợp với từng đối tượng khác nhau nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi người trong việc bảo vệ môi trường, trong năm 2022, đã thực hiện nhiều cuộc tuyên truyền với nhiều hoạt động như:

- Cấp tỉnh:

+ Truyền thông qua phương tiện thông tin đại chúng: Đã thực hiện 01 phóng sự và 01 tiết mục chính sách phát luật về lĩnh vực môi trường.

+ Tập huấn nâng cao nhận thức về môi trường: Tổ chức 23 lớp tập huấn với 1.700 đại biểu tham dự, phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức 03 Hội nghị trực tuyến với 200 đại biểu tham dự.

+ Phát động và tổ chức hưởng ứng các ngày lễ, các sự kiện môi trường quan trọng trong năm 2022 như: Ngày Đất ngập nước thế giới năm 2022, Tháng hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới và Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2022, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, qua đó đã tổ chức trên 120 hoạt động bảo vệ môi trường với sự tham gia của hơn 32.585 người, xử lý 1.944 tấn rác thải; hơn 15.785 km cống rãnh, đường giao thông được vệ sinh quét dọn; treo 1.151 băng-rôn, pa-nô, áp-phích, 54 bảng điện tử; phát hơn 57.966 tờ rơi; đưa 3.766 lượt tin, bài phóng sự, chuyên mục tuyên truyền; trồng, chăm sóc hơn 185.478 cây và 593,28 ha cây các loại. Tổ chức các chương trình

cho học sinh đổi rác thải nhựa, phong trào “Thu gom bọc nilong đổi tập viết” tại 11 điểm trường; qua đó đã trao 18.900 quyển tập và 600 cây viết đổi được 6,1 tấn nilong và rác thải nhựa. Hội thi vẽ tranh và ý tưởng sáng tạo vì môi trường, tổng số sản phẩm dự thi là 40 tranh và hơn 450 sản phẩm; kết quả đã trao tổng số 70 giải thưởng với số tiền 40 triệu đồng. Thực hiện mô hình “Chợ dân sinh giảm thiểu chất thải nhựa”, mô hình “Phân loại rác thải sinh hoạt hộ gia đình” và nhiều chiến dịch tuyên truyền khác.

+ Biên soạn và phát 10.000 tờ bướm hướng dẫn phương pháp giảm thiểu phân loại rác thải sinh hoạt hộ gia đình; 12.000 tờ bướm về bảo vệ, bảo tồn đất ngập nước. Các tài liệu được cung cấp đến cộng đồng dân cư, cán bộ môi trường để tổ chức tuyên truyền.

+ Thực hiện Chương trình phối hợp bảo vệ môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2023 giữa các Sở, Ban ngành trên địa bàn tỉnh (*theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh*). Qua đó, đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm đơn vị chủ trì thực hiện phối hợp với 13 Sở, ngành, hội đoàn thể thực hiện nhiệm vụ như: tập huấn bảo vệ môi trường của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Người cao tuổi..., tổ chức cuộc thi “Vì màu xanh quê hương” (*Tỉnh đoàn*), kiểm tra, giám sát chuyên đề về bảo vệ môi trường (*Ủy ban MTTQVN tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Công an tỉnh*), thực hiện mô hình bảo vệ môi trường (*Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh tỉnh*).

+ Ngoài ra, đã phát động tham gia các cuộc thi “Ảnh về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước của Việt Nam”, “Liên hoan phim môi trường toàn quốc lần thứ 8”, “Cuộc thi ảnh ASEAN, Giải báo chí “Giảm ô nhiễm nhựa đại dương năm 2022”.

- Cấp huyện:

+ *Các mô hình bảo vệ môi trường*: Nhằm thực hiện tốt hơn công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường, trong năm 2022 đã hỗ trợ, thực hiện nhiều mô hình bảo vệ môi trường với các đối tượng khác nhau, cụ thể như sau: (1) 02 mô hình “Giảm thiểu rác thải nhựa” cho 02 trường tiểu học trên địa bàn huyện Châu Thành; (2) 02 mô hình phân loại rác, qua đó, hỗ trợ 200 thùng rác 30 lít; 10 thùng ủ phân hữu cơ, 10 thùng rác 60 lít, 20 kg vi sinh ủ phân, 2.000 tờ rơi tuyên truyền; (3) 02 mô hình “Chợ dân sinh kết hợp khu dân cư giảm thiểu rác thải nhựa” cho các hộ gia đình sống tại khu dân cư, qua đó đã trao 100kg túi tự hủy cho tiêu thương, 100kg túi không dệt và 100 túi xách cho người dân dùng để đi chợ; (4) Mô hình “Ngõ sạch - Sân đẹp - Xóm văn minh” qua đó đã tặng 800 giỏ xách và 1.600 thùng chứa rác; (5) 05 mô hình ủ phân compost.

+ *Truyền thông qua trực quan, phương tiện truyền thông đại chúng*: Đài Truyền thanh đưa 1.038 lượt tin về bảo vệ tài nguyên và môi trường; Tái chế vỏ xe thành 50 pano tuyên truyền; lắp đặt 20 bảng tuyên truyền trực quan., chai nhựa; Treo 390 băng rôn trên các tuyến đường chính, khu vực tập trung đông dân cư.

+ *Hỗ trợ dụng cụ thu gom rác*: Thực hiện chương trình “Thu gom bọc ni lông đổi tập viết”, kết quả, đã đổi 13.500 quyển tập và 1.600 cây viết thu về 05 tấn bọc ni lông; Tổ chức tuyên truyền, thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, kết quả: đã bố trí 30 thùng rác 240 lít các tuyến đường nội đồng của xã; Hỗ trợ 300 sọt rác cho hộ gia đình; Bố trí 320 thùng rác 120 lít và 60 thùng rác 240 lít bố trí tại các tuyến đường công cộng

+ *Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường*: Đã thu gom được khoảng 19,88 tấn rác và 41,3 Km đường giao thông và đường nội bộ; Trồng hơn 32.268 cây (23.368 cây xanh và 8.900 cây hoa) tại các tuyến đường nông thôn;

+ *Công tác tập huấn, tuyên truyền*: Tổ chức 02 Hội thi về chủ đề môi trường thu hút trên 400 tác phẩm đăng ký gửi dự thi trao thưởng cho 48 tác phẩm; Phát 400 tài liệu tuyên truyền; Tổ chức 03 buổi tập huấn cho người dân về tác hại của rác thải nhựa; 04 lớp tuyên truyền với 606 hộ dân về công tác quản lý chất thải rắn qua đó đã phát 1.212 kg bọc nilon tự phân hủy sinh học, 606 bộ tài liệu hướng dẫn và bố trí 08 thùng rác để phục vụ cho công tác thu gom, phân loại rác tại nguồn; Tổ chức hội nghị tuyên truyền cho học sinh về tác hại và các biện pháp giảm thiểu sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần qua đó đã phát 1.961 bình nước loại 500ml cho các em học sinh; Hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực môi trường với sự tham dự của 215 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Hội thi nhà nông đua tài năm 2022 đã trao giải cho 04 tập thể và 03 cá nhân.

V. Hệ thống quan trắc và cảnh báo về môi trường

- Tỉnh đã phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh An Giang năm 2022 tại Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 và Chương trình quan trắc xâm nhập mặn tỉnh An Giang năm 2022 tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 để tổ chức thực hiện, cụ thể:

+ *Quan trắc môi trường*: tại 118 vị trí, trong đó: môi trường nước mặt tại 71 vị trí với tần suất 06 lần/năm, môi trường nước dưới đất tại 12 vị trí với tần suất 04 lần/năm và môi trường không khí tại 35 vị trí với tần suất 06 lần/năm. Kết quả: Chất lượng môi trường nước mặt sông Tiền, sông Hậu, kênh rạch nội đồng đều ô nhiễm hữu cơ, vi sinh; Chất lượng môi trường không khí ít có sự biến động, chủ yếu ô nhiễm nhẹ bởi tiếng ồn, tập trung chủ yếu ở khu vực đô thị - giao thông Long Xuyên, KDL núi Sam - Châu Đốc, CCN Tân Trung, khu lò gạch Nhơn Mỹ, làng nghề sản xuất dây keo Mỹ Hội Đông, KDL Tấn Mỹ - Chợ Mới; ô nhiễm bụi tại CCN Hòa An - Chợ Mới.

+ *Quan trắc xâm nhập mặn*: Tại 08 trạm/điểm tại 02 huyện Thoại Sơn và Tri Tôn; thời gian quan trắc từ tháng 01 đến tháng 05. Kết quả: Độ mặn tại 08 điểm quan trắc dao động ở mức ngọt đến ngọt nhạt từ 0,07 - 0,17‰ (thấp hơn cùng kỳ năm 2021 là 0,03‰), trong đó khu vực huyện Tri Tôn cao hơn khu vực huyện Thoại Sơn

+ *Quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản*: Tỉnh đã thực hiện quan trắc 07 điểm quan trắc môi trường vùng nuôi cá tra tập trung với Tần suất 02 lần/tháng

thời gian quan trắc từ tháng 4 đến tháng 8 và 01 lần/tháng từ tháng 9 đến tháng 10. Ngoài ra, phối hợp Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản (3K) thực hiện 24 đợt thu mẫu/02 điểm và Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II quan trắc tại 11 điểm với tần suất 02 lần/tháng cho các tháng 01, 02, 03, 04, 06, 07, 08, 09 và 04 lần/tháng đối với các tháng 05, 06. Kết quả: Chất lượng nước đa số phù hợp với yêu cầu, đảm bảo cho động vật nuôi thủy sản sinh trưởng và phát triển.

- Đồng thời để tăng cường năng lực quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện dự án Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang, hoàn thành thực hiện trong năm 2022, trong đó chia thành 02 giai đoạn: Giai đoạn 1 (*năm 2019 - 2021*): Đầu tư lắp đặt mới 07 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt (*trong đó 04 trạm tích hợp quan trắc xâm nhập mặn*); đầu tư nâng cấp 01 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt; đầu tư thiết bị Trung tâm điều hành; Giai đoạn 2 (*năm 2021 - 2022*): Đầu tư lắp đặt mới 04 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt, 01 trạm quan trắc tự động môi trường không khí; đầu tư nâng cấp 01 trạm quan trắc tự động nước thải khu công nghiệp.

- Kết quả quan trắc được thông tin kịp thời đến các Sở, ban ngành, địa phương và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, cảnh báo mức độ, diễn biến ô nhiễm môi trường, xâm nhập mặn và nhận diện các vấn đề môi trường cấp bách xảy ra.

VI. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

1. Nguồn nhân lực:

Tổng số lượng nhân lực làm công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh là 442 người (*không bao gồm 09 công chức thuộc Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh*), cụ thể:

TT	Đối tượng	Tổng số	Phân loại theo trình độ chuyên môn					
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác
	Công chức	97		17	79		1	
	Viên chức	33		7	26			
	Công chức cấp xã	312			267	10	35	
Tổng cộng		442		24	372	10	36	

2. Nguồn lực tài chính

Để đảm bảo hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, trong năm 2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường lồng ghép trong sự nghiệp bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường và các địa phương có liên quan, cụ thể như sau:

- **Về nguồn vốn sự nghiệp:** số tiền 218.412 triệu đồng, trong đó:

- + Cấp tỉnh: 22.606 triệu đồng.
- + Cấp huyện: 184.566 triệu đồng.
- + Cấp xã: 11.240 triệu đồng.

- **Về nguồn vốn đầu tư:** Số tiền 55.619 triệu đồng, cụ thể:

+ Dự án Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang, nguồn vốn được giao là 3.140 triệu đồng.

+ Dự án Nâng cấp và bổ sung trang thiết bị quan trắc và phân tích môi trường tỉnh An Giang, nguồn vốn được giao là 7.498 triệu đồng.

+ Dự án Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang (*xử lý 25 bãi rác ô nhiễm môi trường*), nguồn vốn được giao là 44.981 triệu đồng.

VII. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

- Báo cáo bộ chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường tại Báo cáo số 31/BC-STNMT ngày 15/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường (*kèm theo báo cáo*).

- Báo cáo các chỉ tiêu trong bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của địa phương: UBND tỉnh đã có văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định tại Công văn số 258/UBND-KTN ngày 16/3/2023 về việc đề nghị thẩm định kết quả tự đánh giá các chỉ số nhóm I Bộ chỉ số đánh giá kết quả BVMT năm 2022 của địa phương (*kèm theo văn bản*).

- Báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê tại Công văn số 799/STNMT-KHTC ngày 15/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

VIII. Đánh giá chung

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Những chuyển biến tích cực

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được ban hành và có hiệu lực từ 01/01/2022, tỉnh đã thực hiện rà soát và kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật, góp phần hoàn thiện thể chế để từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ các khó khăn để tạo môi trường thuận lợi cho nhà đầu tư và doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường được đẩy mạnh với nội dung phong phú, đa dạng về hình thức, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, chuyển biến nhận thức của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường được quan tâm thực hiện, qua đó, đã triển khai có hiệu quả công tác thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; Kịp thời công bố cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh thông qua quan trắc môi trường, thực hiện tốt công tác kiểm tra bảo vệ môi trường tại các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở cấp huyện, cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu; biên chế chưa đáp ứng được với khối lượng công việc theo qui định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, đa phần thực hiện công tác kiêm nhiệm.

- Các văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều chồng chéo giữa các ngành trong công tác bảo vệ môi trường. Trong nội tại của ngành các văn bản dưới luật vẫn chưa hoàn chỉnh, chưa đầy đủ, gây khó khăn trong triển khai thực hiện.

- Nguồn vốn ngân sách của tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu cải thiện cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác quản lý và chưa đáp ứng tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Sự phối hợp giữa các ngành và địa phương trong hoạt động kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các hoạt động bảo vệ môi trường đôi khi chưa chặt chẽ, chồng chéo nhiệm vụ; nguồn nhân lực, kinh phí, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Nhận thức, hiểu biết các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của một phần người dân, doanh nghiệp còn nhiều hạn chế; khó khăn trong kinh doanh dẫn đến việc doanh nghiệp chỉ tập trung cho việc đầu tư, duy trì hoạt động sản xuất mà chưa chú trọng thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác sinh hoạt có tăng nhưng chưa cao, nhất là khu vực nông thôn, các xã cù lao do; tình trạng quá tải tại các bãi rác lộ thiên gây ô nhiễm môi trường.

2. Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường

2.1. Phương hướng thực hiện

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; kiện toàn và xây dựng, phát triển và nâng cao nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu công tác quản lý nhà nước về môi trường; đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Tranh thủ các nguồn lực tương xứng để đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường (*xử lý nước thải, rác thải, hệ thống quan trắc,...*) song song với đầu tư cho phát triển kinh tế để đảm bảo phát triển bền vững.

- Tập trung xử lý dứt điểm các khu điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của tỉnh. Tăng cường công tác hậu kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác quan trắc, dự báo, phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm môi trường thông qua việc thực hiện các dự án, các nhiệm vụ trong năm.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường cho nhiều đối tượng khác nhau để nâng cao nhận thức về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong bảo vệ môi trường, đồng thời hình thành nên thói quen bảo vệ môi trường trong tầng các tầng lớp người dân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý môi trường trên toàn tỉnh.

2.2. Giải pháp

- Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và các vấn đề môi trường. Cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường ở các khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp, các bãi rác ô nhiễm lộ thiên; quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên; nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đô thị và nông thôn. Chủ động phòng ngừa và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm do chất thải từ các khu vực: sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi tập trung, khu công nghiệp và khu đô thị, khu dân cư tập trung.

- Bảo tồn và phát triển các khu bảo vệ cảnh quan đã được thành lập, gồm: khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư; khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyền.

- Hoàn thiện thống dữ liệu về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác xử lý triệt để các khu điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tăng cường kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh không để phát sinh mới những cơ sở, khu điểm gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chặt chẽ hoạt động thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo quản lý tốt nguồn thải.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về bảo vệ môi trường cho cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường việc thẩm định, lựa chọn và chuyển giao các công nghệ đầu tư; hạn chế việc chuyển giao các công nghệ, phương tiện, thiết bị lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; ưu tiên các dự án, công nghệ thân thiện với môi trường đầu tư vào tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm và xử lý kịp thời; kiểm soát hoạt động nhập khẩu phế liệu, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu không đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2.2.1. Tăng cường năng lực, huy động nguồn lực tài chính

- Tranh thủ sự ủng hộ nguồn vốn từ các Bộ, ngành Trung ương và các tổ chức quốc tế để thực hiện các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng các đơn vị thuộc khu vực công ích; công trình xử lý chất thải tập trung, hệ thống xử lý nước thải đô thị, hệ thống xử lý nước thải tập trung của các KCN, CCN.

- Đa dạng hóa đầu tư bảo vệ môi trường, nghiên cứu thực hiện các cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư các cơ sở nghiên cứu, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, các dự án sản xuất kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Ưu tiên tăng phân bổ ngân sách từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường; tăng dần tỷ lệ phân bổ cho hoạt động sự nghiệp môi trường theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2.2.2. Hoàn thiện chính sách, pháp luật

- Rà soát, ban hành mới các thể chế, chính sách của ngành theo quy định mới của Trung ương, đặc biệt là thể chế có liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, đẩy mạnh kêu gọi đầu tư tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy hoạch về quản lý tài nguyên và môi trường, ban hành các quy định cụ thể hóa Luật Bảo vệ môi trường 2020; triển khai hiệu quả các nội dung bảo vệ môi trường được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2.3. Nâng cao nhận thức cộng đồng và vấn đề xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, liên tịch nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tổng kết, nhân rộng các mô hình tự quản, tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và bền vững, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức, cá nhân về pháp luật về tài nguyên môi trường.

- Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, áp dụng khoa học và

công nghệ xử lý chất thải, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, các mô hình phát triển kinh tế xanh.

- Tập trung tuyên truyền, giáo dục, làm thay đổi nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ và giữ gìn môi trường; cải thiện môi trường sống, thay đổi các tập quán sinh sống làm tổn hại môi trường; hướng dẫn phân loại rác tại nguồn và phương pháp xử lý đơn giản đối với rác hữu cơ đã được phân loại để giảm thiểu phát thải và tận thu sản phẩm sau xử lý.

2.2.4. Tập trung đầu tư có hiệu quả một số lĩnh vực/nội dung quan trọng

- Nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đô thị và nông thôn; Tăng cường trang thiết bị thu gom rác cho các khu dân cư đô thị, khu dân cư tập trung, đảm bảo thu gom, xử lý 90% rác trên địa bàn; Đưa vào hoạt động cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn từ các khu dân cư, khu du lịch, điểm du lịch.

- Cơ bản hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các khu dân cư tập trung mới. Hoàn thiện hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt theo quy hoạch, phấn đấu các đô thị từ loại III trở lên và đô thị loại IV quy mô dân số lớn có hệ thống xử lý nước thải; đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các KCN, CCN, bệnh viện, khu đô thị, khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung,... bảo đảm chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; yêu cầu các khu đô thị, KCN, CCN mới đầu tư và nhà máy sản xuất phải có đầy đủ hạ tầng bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động.

2.2.5. Tập trung xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Tập trung thực hiện tốt tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo hướng dẫn của Trung ương; ưu tiên bố trí quỹ đất và nguồn vốn xây dựng hệ thống hạ tầng, giải quyết vấn đề vệ sinh môi trường nông thôn; triển khai, nhân rộng các mô hình xử lý chất thải và hoạt động bảo vệ môi trường tại các địa phương.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- + Hướng dẫn việc bố trí nhân sự phù hợp với nội dung công việc được nêu trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- + Tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai đề cương báo cáo, thống kê các chỉ tiêu quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*đơn vị chủ trì thực hiện báo cáo*) và các đơn vị có liên đến việc cung cấp thông tin, cập nhật số liệu phục vụ báo cáo.

- Hàng năm, UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường phải báo cáo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác bảo vệ môi trường, chuyên đề bảo vệ môi trường,... có nội dung, chỉ tiêu, số liệu trùng và lặp lại. Do đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, thống nhất thành một báo cáo; Sớm hoàn thiện cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia để thống nhất cập nhật dữ liệu không chỉ của cơ quan quản lý nhà nước mà còn của doanh nghiệp phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và Luật bảo vệ môi trường.

Trên đây là báo cáo về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xin gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Vụ Môi trường;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Thư